

Số: /KH-SGDĐT

Long An, ngày tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH
Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh cấp tiểu học
năm học 2021-2022

Thực hiện Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Quy định Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông,

Thực hiện công văn số 3944/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 10/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Long An v/v hướng dẫn thực hiện nội dung Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cơ sở giáo dục tiểu học.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh cấp tiểu học năm học 2021-2022 theo kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH-YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát hiện, công nhận, tôn vinh giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi và nhân rộng những điển hình tiên tiến, góp phần thu hút sự quan tâm của các lực lượng xã hội tham gia giáo dục trẻ em, học sinh, tạo động lực phát triển sự nghiệp giáo dục của mỗi địa phương và của toàn Ngành;
- Tạo động lực cho giáo viên phấn đấu, hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nghề nghiệp;
- Góp phần nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn và đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy và học trong trường học; khuyến khích, động viên, tạo cơ hội cho giáo viên rèn luyện, tự học, sáng tạo, học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em đối với giáo viên mầm non; công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp đối với giáo viên tiểu học.

2. Yêu cầu

- Dựa trên sự tự nguyện của giáo viên; không ép buộc, không tạo áp lực cho giáo viên tham gia hội thi;
- Đảm bảo tính trung thực, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đảm bảo thực chất;
- Có tác dụng giáo dục, khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu giáo dục;
- Đảm bảo đúng quy định của chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành.

II. TỔ CHỨC CUỘC THI

Năm học 2021-2022, thực hiện Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Quy định Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể:

1. Đối tượng và số lượng dự thi

- Đối tượng: tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh là giáo viên tiểu học đang trực tiếp làm công tác giảng dạy ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Long An;
- Mỗi huyện, thị xã, thành phố tuyển chọn 08 giáo viên dự thi;

2.1. Nội dung thi:

- Thực hành dạy một tiết theo kế hoạch giảng dạy tại thời điểm diễn ra hội thi. Tiết dạy tham gia hội thi được tổ chức lần đầu tại lớp học với nguyên trạng số lượng học sinh của lớp đó. Giáo viên không được dạy trước (dạy thử) tiết dạy tham gia Hội thi trong năm học tổ chức Hội thi. Giáo viên được thông báo và có thời gian chuẩn bị cho tiết dạy trong thời gian không quá 02 ngày trước thời điểm thi;

- Trình bày một biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy của cá nhân tại cơ sở giáo dục, nơi giáo viên đang làm việc. Thời lượng trình bày biện pháp không quá 30 phút, bao gồm cả thời gian Ban Giám khảo trao đổi. Biện pháp được lãnh đạo cơ sở giáo dục xác nhận áp dụng hiệu quả và lần đầu được dùng để đăng ký thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục phổ thông và chưa được dùng để xét duyệt thành tích khen thưởng cá nhân trước đó.

2.2. Tiêu chuẩn tham dự hội thi:

Giáo viên tiểu học tham dự hội thi cấp tỉnh: Đạt tiêu chuẩn của giáo viên tham dự hội thi cấp trường; có một năm được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp huyện trong 02 năm trước liền kề hoặc được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm tham dự hội thi.

3. Hình thức thi:

a) Giáo viên nộp cho Ban tổ chức hội thi 01 biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy của cá nhân tại cơ sở giáo dục, nơi giáo viên đang làm việc.

b) Thi giảng 1 tiết dạy theo phân phối chương trình của tuần dự thi (tại trường dự thi) *1 tiết bắt buộc trong tuần 30 do Ban tổ chức xác định bằng hình thức bốc thăm.*

- Giáo viên thực hiện tiết dạy trong các môn Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật, tiếng Anh, Tin học;

- Thời gian 1 tiết dạy trung bình 35 phút (tùy theo đối tượng HS cụ thể);

- Giáo viên phải soạn giáo án (Kế hoạch dạy học) theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

*Một số qui định cụ thể:

- Giáo viên dự thi dạy thực hành với đối tượng học sinh không phải học sinh của lớp mình;

- Giáo viên dự thi làm quen với học sinh 30 phút trước ngày thi (*liên hệ với trường dự thi*);

- Tuyệt đối không dạy trước cho học sinh (*lớp dạy dự thi*) bài thi giảng.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Danh sách các giáo viên đăng ký dự thi cấp tỉnh do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo trường phổ thông trực thuộc ký xác nhận;

- Danh sách gửi kèm theo các minh chứng xác nhận đủ tiêu chuẩn tham dự hội thi theo quy định; Xác nhận của lãnh đạo cơ sở giáo dục kèm theo minh chứng xác thực về việc giúp trẻ em, học sinh có sự tiến bộ rõ rệt thông qua việc vận dụng hiệu quả biện pháp trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; trong công tác giảng dạy, chủ nhiệm lớp.

- Thời gian gửi hồ sơ giáo viên đăng ký dự thi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng GDMN-GDTH) trước ngày 08/02/2022 (có thể Fax hoặc Email trước danh sách giáo viên dự thi).

5. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian diễn ra hội thi: từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/3/2022. Khai mạc hội thi lúc 8 giờ 00 phút ngày 01/3/2022 và tổng kết lúc 8 giờ ngày 31/3/2022 tại Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo Long An (lich thi đính kèm).

+ Thực hành:

* Tiết bắt buộc: từ ngày 07/3/2022 đến ngày 16/3/2022.

* Thuyết trình biện pháp: từ ngày 17/3/2022 đến 23/3/2022.

- Địa điểm thi giảng tại 3 cụm với 9 trường tiểu học:

+ Cụm 1: tại thành phố Tân An gồm các huyện: Tân An, Châu Thành, Tân Trụ, Thủ Thừa và Thạnh Hóa thi giảng tại các trường: tiểu học Võ Thị Sáu, tiểu học Tân An, tiểu học Lý Tự Trọng

+ Cụm 2: tại Bến Lức gồm các huyện Bến Lức, Cần Đức, Cần Giuộc, Đức Hòa và Đức Huệ thi giảng tại các trường: tiểu học thị trấn Bến Lức, tiểu học Thuận Đạo, tiểu học Nguyễn Văn Siêu.

+ Cụm 3: tại Thị xã Kiến Tường gồm các huyện Kiến Tường, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng thi giảng tại các trường: tiểu học Nguyễn Tấn Kiếu, tiểu học Nguyễn Thái Bình, tiểu học Ngô Quyền.

6. Kinh phí hội thi: Chi theo dự toán ngân sách năm 2022 của Phòng GDMN-GDTH Sở GD&ĐT.

7. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo:

- Ban Tổ chức: CB-GV-NV Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bến Lức, TX Kiến Tường, TP Tân An và hiệu trưởng của 9 trường tiểu học đăng cai thi giảng;

- Ban Giám khảo: Lãnh đạo, chuyên viên Phòng GDMN-GDTH (bộ phận tiểu học), chuyên viên Phòng GD&ĐT.

8. Thành phần dự khai mạc và tổng kết hội thi (thay thư mời):

- Lãnh đạo Sở, Công Đoàn Ngành;

- Đại diện lãnh đạo Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;

- Ban tổ chức, Ban giám khảo;

- Chuyên viên phụ trách giáo dục tiểu học Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;

- Hiệu trưởng các trường tiểu học, tiểu học và THCS có giáo viên dự thi;

- Toàn thể giáo viên dự thi.

III. CÁCH ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG:

1. Đánh giá tiết dạy: Phiếu đánh giá đính kèm;

2. Đánh giá kết quả giáo viên dự thi.

- Giáo viên tham gia đủ các nội dung hội thi và đạt các yêu cầu theo quy định về đánh giá kết quả của giáo viên dự thi theo quy định được công nhận là giáo viên dạy giỏi và được cấp giấy chứng nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh phải đạt các yêu cầu sau:

+ Trình bày một biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy của cá nhân tại cơ sở giáo dục, nơi giáo viên đang làm việc đạt từ 8 điểm trở lên;

+ Các bài thi giảng đạt loại khá trở lên.

3. Xếp giải:

a) Điều kiện được xét giải (chỉ xét giải cá nhân)

Căn cứ vào kết quả sáng kiến kinh nghiệm, bài kiểm tra năng lực và kết quả thi giảng, Ban tổ chức sẽ xét và trao giải cho giáo viên đạt kết quả cao nhất.

b) Cơ cấu giải thưởng:

Dự kiến giải thưởng không quá 50% số lượng giáo viên dự thi.

- 6 giải nhất
- 9 giải nhì
- 15 giải ba
- 30 giải khuyến khích

IV. SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỘI THI

1. Kết quả hội thi là căn cứ để đánh giá, xếp loại thi đua của đơn vị và cá nhân.
2. Danh hiệu giáo viên dạy giỏi là căn cứ để xem xét, thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo viên.
3. Căn cứ điều kiện cụ thể, tham mưu UBND các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục địa phương quy định chế độ ưu đãi đối với giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, đối với tập thể có nhiều thành tích trong hội thi.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh cấp tiểu học năm học 2021-2022, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó GD;
- Công đoàn Ngành GD;
- Các phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Phòng GD&ĐT huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, PGDMN-GDTH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Phúc

LỊCH LÀM VIỆC
Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học
Năm học 2021-2022
(từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/3/2022)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	ĐỊA ĐIỂM
01/3/2022	7h30 - Ổn định 8h -Khai mạc	Sở GD&ĐT
	9h30 – 10h30 Bốc thăm -Xếp lịch thực hành.	“
03-04/03/2022	- GV Làm quen lớp, soạn bài	Tại trường TH
07-16/3/2022	- Thực hành tiết tự chọn	Tại trường TH
17-23/3/2022	Trình bày một biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy	Tại trường TH
25/3/2022 26-29/3/2022	- Họp Ban Giám khảo xét kết quả - Chuẩn bị QĐ khen thưởng, in giấy khen, tiền thưởng.	Sở GD&ĐT (P.Họp A)
31/3/2022	8h -Tổng kết, phát thưởng	HT Sở GD&ĐT

BAN TỔ CHỨC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

Họ và tên người dự giờ:..... Đơn vị:.....

Họ và tên người dạy :.....Đơn vị

Môn học/Hoạt động giáo dục:.....Tiết:Lớp:.....

Bài:.....

Nội dung (Tiêu chuẩn)	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Hoạt động của giáo viên (8,0 điểm)	1.1 Nội dung, phương pháp và hình thức giao nhiệm vụ học tập cho học sinh đảm bảo chính xác, phù hợp, sinh động, hấp dẫn.	2,5	
	1.2 Theo dõi, quan sát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của học sinh.	1,5	
	1.3 Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập đảm bảo phù hợp, hiệu quả.	1,5	
	1.4 Việc tổng hợp, phân tích, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh (làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng học sinh cần ghi nhận, thực hiện) đảm bảo chính xác, hiệu quả.	2,5	
2. Hoạt động của học sinh (8,0 điểm)	2.1 Học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.	1,5	
	2.2 Học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	2,5	
	2.3 Học sinh tích cực tham gia trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.	1,5	
	2.4 Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh đảm bảo đúng đắn, chính xác, phù hợp.	2,5	
3. Đánh giá chung (4,0 điểm)	3.1 Mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng trong các hoạt động học đảm bảo phù hợp.	1,0	
	3.2 Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện mỗi hoạt động học của học sinh đảm bảo rõ ràng, chính xác.	1,0	
	3.3 Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh đảm bảo phù hợp.	1,0	
	3.4 Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh đảm bảo phù hợp.	1,0	
Tổng điểm		20,0	

Xếp loại:

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

A. MỤC ĐÍCH

- Giúp giáo viên tiểu học làm căn cứ xây dựng kế hoạch bài học, tự đánh giá năng lực nghề nghiệp, từ đó nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học.

- Giúp các cấp quản lý giáo dục làm căn cứ để đánh giá giờ dạy của giáo viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên.

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY

Đánh giá giờ dạy theo định hướng phát triển năng lực chủ yếu tập trung vào việc đánh giá hiệu quả hoạt động học của học sinh, qua đó đánh giá được vai trò tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên. Mỗi tiêu chuẩn gồm các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể ở Phiếu đánh giá giờ dạy.

C. ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

- **Loại TỐT:** tổng điểm đạt từ 18 điểm đến 20 điểm; tất cả các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2 đạt ít nhất 1,0 điểm, trong đó mỗi tiêu chí : 1.1; 1.4; 2.2; 2.4 đạt ít nhất 2,0 điểm.

- **Loại KHÁ:** tổng điểm đạt từ 13,5 điểm đến dưới 18 điểm; tất cả các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2 đạt ít nhất 1,0 điểm.

- **Loại ĐẠT:** tổng điểm đạt từ 10 điểm đến dưới 13,5 điểm.

- **Loại CHƯA ĐẠT:** tổng điểm dưới 10 điểm.

Ghi chú: Số điểm gợi ý của từng tiêu chí có thể điều chỉnh tùy theo mục tiêu đánh giá, khối lớp học, môn học, loại bài học, đảm bảo số điểm của 03 tiêu chuẩn: Hoạt động của giáo viên 8,0 điểm, Hoạt động của học sinh 8,0 điểm, Đánh giá chung 4,0 điểm.

D. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ

I. Hoạt động của giáo viên

1. Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập cho học sinh

Mức 1: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.

Mức 2: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho hầu hết học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

Mức 3: Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.

2. Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh

Mức 1: Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được những học sinh/nhóm học sinh có yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.

Mức 2: Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng học sinh/nhóm học sinh; phát hiện được khó khăn cụ thể mà học sinh/nhóm học sinh gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Mức 3: Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh/nhóm học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh/nhóm học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập:

Mức 1: Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho học sinh/nhóm học sinh vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm (*hiểu sai, hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ*) có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng (*mang tính dẫn dắt, gợi ý, khái quát*) để học sinh/nhóm học sinh tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Chỉ ra cho học sinh/nhóm học sinh những sai lầm (*hiểu sai, hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ*) có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng (*mang tính dẫn dắt, gợi ý, khái quát*); khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh

Mức 1: Có câu hỏi định hướng để học sinh/nhóm học sinh tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng ý học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 2: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo, nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng ý học sinh tiếp thu, ghi nhận.

Mức 3: Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh trình bày, báo cáo nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.

II. Hoạt động của học sinh

1. Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Phần lớn học sinh tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 2: Hầu hết học sinh tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài học sinh bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Mức 3: Tất cả học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

2. Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số học sinh có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi.

Mức 2: Hầu hết học sinh tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài học sinh lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.

Mức 3: Tất cả học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm học sinh có sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.

3. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Mức 1: Nhiều học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều học sinh/nhóm học sinh thảo luận chưa sôi nổi; vai trò của nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) chưa thật nổi bật; vẫn còn một số học sinh không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 2: Hầu hết học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; đa số nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài học sinh không tích cực trong quá trình làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Mức 3: Tất cả học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các học sinh/nhóm học sinh thảo luận sôi nổi, tự tin; các nhóm trưởng (đối với hoạt động nhóm) đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

4. Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

Mức 1: Nhiều học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa hoàn thành hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.

Mức 2: Đa số học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn còn một vài học sinh trình bày/điễn đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.

Mức 3: Tất cả học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.

III. Đánh giá chung

1. Các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Kiến thức/**kĩ năng** mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức/**kĩ năng** mới. Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức/**kĩ năng** mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập. Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 2: Kiến thức/**kĩ năng** mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/**kĩ năng** cụ thể. Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 3: Kiến thức/**kĩ năng** mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/**kĩ năng** cụ thể. Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng.

2. Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: **Nội dung** của mỗi hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập.

Mức 2: **Nội dung** và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức tổ chức hoạt động cho học sinh được trình bày cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.

Mức 3: **Nội dung** và cách thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; cách thức tổ chức hoạt động học cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được lựa chọn để sử dụng trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hoạt động với thiết bị dạy học và học liệu đó.

Mức 2: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.

Mức 3: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hoạt động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy

Mức 1: Phương án kiểm tra, đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa rõ phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.

Mức 2: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học.

Mức 3: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học./.